

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 106 /2020/HC-PT

Ngày: 30 - 6 - 2020

*V/v Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất
đai*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Cầu

Các Thẩm phán: Ông Trương Minh Tuấn
Ông Nguyễn Tấn Long

-Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết Trinh, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Đoàn Minh Lộc, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 78/2020/TLPT-HC ngày 03 tháng 01 năm 2020 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”, do Bản án hành chính sơ thẩm số 41/2019/HC-ST ngày 14/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 996/2020/QĐ-PT ngày 01-6-2020, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Trương Văn Y, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn K, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- Người đại diện theo uỷ quyền của ông Y: Ông Phạm Hoài Q, sinh năm 1983; địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Y - Chức vụ: Phó chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Trần Đình N - Chức vụ: Phó giám đốc Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Công ty Cổ phần cao su Đắk Lắk. Địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- *Người đại diện theo uỷ quyền:* Ông Dương Văn T, sinh năm 1982. Địa chỉ: Thôn Hòa Lộc, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

3.2. Bà Từ Thị T, sinh năm 1976; địa chỉ: xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

- *Người đại diện theo uỷ quyền của bà T:* Ông Phạm Công H, sinh năm 1986; địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, người khởi kiện ông Tưởng Văn Y và người đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Năm 1994, vợ chồng ông Y và bà Từ Thị T được bố vợ là ông Từ Đình Đ (đã chết) cho 01 lô đất diện tích khoảng 13.000m² tại Thôn K, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nguồn gốc lô đất này do ông Đ khai hoang năm 1984. Sau khi được cho đất, gia đình ông Y sử dụng ổn định cho đến nay và không có tranh chấp với ai.

Diện tích đất có tứ cận như sau:

- + Phía đông giáp đất ông Từ Minh T, Phạm Văn T và đất của gia đình ông Y;
- + Phía Tây giáp đất Nông trường cao su C.
- + Phía Nam giáp đất ông Diệp Xuân Ninh;
- + Phía Bắc giáp đất ông Từ Đình D.

Mặc dù trước đây, vào năm 2002 ông Y có liên hệ với Ủy ban nhân dân xã C, huyện K để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng Ủy ban nhân dân xã cho biết diện tích đất nói trên Nông trường cao su CK chưa bàn giao về cho Ủy ban nhân dân xã quản lý nên chưa thể làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cho đến nay, gia đình ông Y vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất nói trên. Quá trình sử dụng đất gia đình ông Y đã đóng thuế sử dụng đất nông nghiệp cho Nông trường cao su CK thể hiện tại các Thông báo sau: Thông báo nộp thuế số 48 ngày 15/10/2000; Thông báo nộp thuế số 51 ngày 31/10/1996; Giấy báo nộp tiền thuế nông nghiệp ngày 20/11/1996.

Đây là chứng cứ chứng minh cho việc gia đình ông Y nộp thuế đối với diện tích đất mà hiện nay gia đình ông Y sử dụng và có một phần diện tích đất mà Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Nông trường (diện tích đất hiện đang tranh chấp), nhưng khi nộp thuế thì Nông trường có xuất biên lai hay không thì ông Y không nhớ rõ và không có để cung cấp cho Tòa.

Từ thời điểm được cho đất thì gia đình ông Y trồng cà phê, đến năm 2013 chuyển đổi cây trồng, phá bỏ hết cà phê để trồng cây hồ tiêu, sầu riêng và bơ.

Tuy nhiên, vào tháng 11/2017 ông Y nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện K, theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV cao su Đắk Lắk khởi kiện buộc vợ chồng ông Y phải trả lại diện tích đất 12.587m² thuộc thửa đất số 102, tờ bản đồ số 12, tại Thôn K, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk thì ông Y mới biết được diện tích đất nói trên (13.000m²) của gia đình ông Y đã bị Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH MTV cao su Đắk Lắk - Nông trường cao su CK (Vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất này đang bị tạm đình chỉ để chờ kết quả giải quyết vụ án hành chính này). Việc Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích nói trên cho Công ty TNHH MTV cao su Đắk Lắk - Nông trường cao su CK là trái pháp luật, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Y. Do đó, ông Y đã làm đơn khởi kiện Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk đề nghị Tòa án giải quyết theo các nội dung sau:

- Huỷ một phần Quyết định số 2741/QĐ-UB ngày 15/10/2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk;

- Huỷ GCNQSDĐ số BQ800145 ngày 06/5/2014 đã cấp cho Chi nhánh Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk - Nông trường cao su C.

2. Quá trình tham gia tố tụng người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:

Nông trường cao su CK (sau đây viết tắt là Nông trường) là đơn vị trực thuộc Công ty TNHH một thành viên cao su Đắk Lắk (nay là Công ty cổ phần Cao su Đắk Lắk), được thành lập theo Quyết định số 277/QĐ-UB ngày 14/6/1978 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Năm 2002, Nông trường và Hội đồng xét cấp giấy xã C đã tổ chức rà soát diện tích đất đai thuộc ranh giới Nông trường quản lý trên địa bàn xã C, huyện K, thống nhất kết quả rà soát tại Biên bản lập ngày 07/8/2002, theo đó:

- Diện tích đất chuyển giao: 3.348.425m²;

- Diện tích xin cấp GCNQSDĐ: 31.693.536m²;

Xét đơn đăng ký quyền sử dụng đất lập ngày 07/8/2002 của Công ty cao su Đắk Lắk - Nông trường cao su CK; đề nghị của Ủy ban nhân dân xã C tại Tờ trình số 15/TT-UB ngày 07/8/2002 về việc chuyển giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện K tại Tờ trình số 180/TTr-UBND ngày 19/9/2002 về việc thu hồi diện tích đất xin chuyển giao và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích đất đang sử dụng ổn định cho Công ty cao su Đắk Lắk - Nông trường cao su CK và Tờ trình số 1236/TT-ĐC ngày 08/10/2002 của Sở Địa chính (nay là Sở Tài nguyên và Môi trường) về việc đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Nông trường cao su CK. Ngày 15/10/2002, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 2741/QĐ-UB cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U191244 cho Nông trường cao su CK, tổng diện tích cấp là 31.579.731m² tại xã C, huyện K (chênh lệch giảm

113.805m² so với diện tích Nông trường xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do giảm diện tích đất chuyên dùng).

Thực hiện Quyết định số 64/2005/QĐ-UBND ngày 15/12/2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về rà soát hiện trạng sử dụng đất; xây dựng hoặc điều chỉnh, xét duyệt quy hoạch sử dụng đất chi tiết; giao đất, cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các nông, lâm trường quốc doanh trên địa bàn tỉnh; Nông trường đã rà soát hiện trạng sử dụng đất đang quản lý, sử dụng; căn cứ kết quả rà soát, Nông trường đề nghị bàn giao 8.634.140m² đất sử dụng kém hiệu quả về địa phương quản lý; ngày 10/01/2013 Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 112/QĐ-UBND thu hồi 8.634.140m² đất của Nông trường giao cho Ủy ban nhân dân huyện K quản lý theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy định của pháp luật.

Ngày 21/5/2013, Công ty TNHH MTV cao su Đắk Lắk - Nông trường cao su CK có Công văn số 34/BC-CN về việc báo cáo tình hình sử dụng đất và phương án sử dụng đất trong thời gian tới, theo đó, Nông trường xin thuê 23.171.158m² đất nông nghiệp tại xã C, huyện K; được Ủy ban nhân dân huyện K thống nhất tại Tờ trình số 68/TTr-UBND ngày 23/5/2013.

Xét đề nghị của Công ty TNHH MTV cao su Đắk Lắk - Nông trường cao su CK tại Đơn xin thuê đất lập ngày 27/5/2013, đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện K tại Tờ trình số 68/TTr-UBND ngày 23/5/2013 và Tờ trình số 173/TTr-STNMT ngày 24/7/2013 của Sở Tài nguyên và Môi trường; ngày 20/8/2013, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 1730/QĐ-UBND về việc cho Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên cao su Đắk Lắk - Nông trường cao su CK thuê 23.171.158m² đất tại xã CK, huyện K, cụ thể:

- Đất ao, diện tích 20.465m²; Đất trồng cây lâu năm và đất giao thông (đường lô sản xuất), diện tích 23.128.297m²; Đất bờ lô cao su, diện tích 22.396m².

Ngày 06/5/2014, Sở Tài nguyên và Môi trường thừa ủy quyền Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 800145 cho Nông trường cao su CK diện tích 23.171.158m² (cấp đổi thay cho Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U191244, Ủy ban nhân dân tỉnh cấp ngày 15/10/2002, do rà soát lại hiện trạng sử dụng đất theo Quyết định số 64/2005/QĐ-UBND ngày 15/12/2005 của UBND tỉnh).

Theo nội dung đơn khởi kiện của ông Tường Văn Y và tài liệu kèm theo, ông Y cho rằng một phần diện tích đất gia đình ông đang sử dụng đã bị Ủy ban nhân dân tỉnh cấp quyền sử dụng cho Nông trường là không đúng. Bởi lẽ:

Qua đối chiếu vị trí tranh chấp theo Mảnh trích đo chỉnh lý địa chính số 06-2018 - chỉnh lý thửa 101, 102, 130, 131, tờ 12 - phục vụ cho giải quyết tranh chấp đất đai của Tòa án nhân dân huyện K được duyệt ngày 26/12/2018 với Bản đồ hiện trạng sử dụng đất Nông trường CK (Kèm theo GCNQSDĐ số U191244) và tờ Trích lục bản đồ địa chính số 1316, ngày 13/12/2012 do Văn phòng đăng ký

quyền sử dụng đất tỉnh (nay là Văn phòng đăng ký đất đai) lập (kèm theo Quyết định số 1730/QĐ-UBND ngày 20/8/2013 của UBND tỉnh) xác định diện tích đất ông Tường Văn Y khởi kiện **nằm trong diện tích thuộc thửa đất số 102 và thửa đất số 130**, tờ bản đồ số 12 của Công ty TNHH MTV cao su Đắk Lắk - Nông trường cao su CK, được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cho thuê đất sử dụng vào mục đích đất nông nghiệp.

Việc Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 2741/QĐ-UB ngày 15/10/2002 về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Nông trường cao su CK, Quyết định số 1730/QĐ-UBND ngày 20/8/2013 về việc cho Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên cao su Đắk Lắk - Nông trường cao su CK thuê 23.171.158m² đất tại xã C, huyện K; Sở Tài nguyên và Môi trường thừa ủy quyền Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 800145 ngày 06/5/2014 cho Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên cao su Đắk Lắk là đúng quy định pháp luật.

Do đó, đề nghị Tòa án không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Tường Văn Y.

3. Ông Dương Văn Tịnh - Người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần Cao su Đắk Lắk trình bày:

Năm 2002, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk cấp GCNQSDĐ số U191244 diện tích 31.579.731 m² cho Nông trường cao su CK. Năm 2013, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 800145 diện tích 23.171.158 m² đất nông nghiệp cho Nông trường cao su CK thuê đất thời hạn 50 năm. Thực hiện chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh, năm 2015 và năm 2016 Nông trường cao su CK tổ chức trồng tái canh cao su trên một số diện tích đất cao su thanh lý thuộc quỹ đất của Nông trường quản lý, sử dụng thì bị người dân địa phương lấn, chiếm đất. Cụ thể:

Tại diện tích 247431 m² đất nông nghiệp thuộc thửa đất số: 102, tờ bản đồ số 12 và diện tích 216130 m² đất nông nghiệp thuộc thửa đất số 130, tờ bản đồ số 12 Giấy CNQSD đất số: BQ 800145 cấp ngày 20 tháng 08 năm 2013. Đã bị vợ chồng ông Y và bà T lấn chiếm.

Trước năm 2002, Nông trường cao su CK có cho một số hộ dân ký hợp đồng giao khoán đất và có thu thuế theo quy định của pháp luật, khi thu thuế thì thu theo diện tích đất trong hợp đồng giao khoán và có xuất biên lai đầy đủ. Đối với các thông báo nộp thuế sử dụng đất nông nghiệp mà ông Y đã cung cấp không thể hiện là nộp thuế đối với diện tích đất tranh chấp nên việc nộp thuế trên không phải nộp thuế sử dụng đất đối với diện tích đất mà hiện nay ông Y đang sử dụng. Trường hợp ông Y cho rằng các chứng cứ trên là chứng cứ nộp tiền thuế sử dụng đất nông nghiệp đối với diện tích đất mà Ủy ban nhân dân tỉnh đã cấp cho Nông trường thì yêu cầu ông Y phải chứng minh.

Việc Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 2741/QĐ-UB ngày 15/10/2002 về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Nông trường

cao su CK, Quyết định số 1730/QĐ-UBND ngày 20/8/2013 về việc Nông trường cao su CK thuê 23.171.158m² đất tại xã C, huyện K và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 800145 ngày 06/5/2014 cho Nông trường cao su CK là đúng quy định của pháp luật. Do đó, Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Y.

4. Ông Phạm Công H - Người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Từ Thị T trình bày:

Nhất trí với phần trình bày của ông Y và người đại diện theo uỷ quyền đã nêu trên. Đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn Y.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 41/2019/HC-ST ngày 14/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính.

Áp dụng khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 36 Luật Đất đai năm 1993; Chương 3 Thông tư số 1990/2001/TCĐC ngày 30-11-2001 của Tổng cục địa chính.

Áp dụng khoản 1 Điều 105; Điều 106 Luật đất đai năm 2013. Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn Y về việc yêu cầu:

- Huỷ một phần Quyết định số 2741/QĐ-UB ngày 15-10-2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ800145 ngày 06-5-2014 đã cấp cho Chi nhánh Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk - Nông trường cao su CK.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về phần án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát cấp cao Đà Nẵng đề nghị căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính 2015. Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Trương Văn Y. Giữ nguyên Bản án số 41/2019/HC-ST ngày 14-11-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; thẩm tra công khai tại phiên tòa; nghe ý kiến trình bày của đương sự; quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao Đà Nẵng và các văn bản pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Đối tượng khởi kiện là một phần Quyết định số 2741/QĐ-UB ngày 15-10-2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk và một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ800145 ngày 06-5-2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk cấp cho Chi nhánh Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk- Nông trường cao

su CK. Căn cứ đơn khởi kiện của ông Tưởng Văn Y ngày 14-6-2019, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý để giải quyết là đúng quy định tại Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật tố tụng hành chính 2015 và trong thời hiệu khởi kiện.

[2] Về thẩm quyền ban hành Quyết định: Quyết định số 2741/QĐ-UB ngày 15-10-2002 do Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ký thay Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk là đúng thẩm quyền, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 36 Luật Đất đai năm 1993. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ800145 ngày 06-5-2014 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk thừa ủy quyền Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk cấp cho Chi nhánh Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk- Nông trường cao su CK là đúng quy định tại khoản 1 Điều 105 Luật đất đai năm 2013.

[3] Xét đơn kháng cáo của ông Tưởng Văn Y, Hội đồng xét xử thấy rằng: Nông trường cao su CK trực thuộc Công ty cổ phần Cao su Đắk Lắk được thành lập theo Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 14-6-1978 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Năm 2002, Nông trường cùng Ủy ban nhân dân xã C và Hội đồng xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xã C đã rà soát diện tích đất đai thuộc ranh giới Nông trường quản lý, sử dụng. Tại Biên bản làm việc ngày 07-8-2002 diện tích đất chuyển giao Ủy ban nhân dân xã quản lý là 3.348.425m², Nông trường cao su CK xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 31.579.731 m². Ngày 15/10/2002, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 2741/QĐ-UB cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U191244 cho Nông trường cao su CK, tổng diện tích cấp là 31.579.731m² tại xã C, huyện K tỉnh Đắk Lắk (Bản đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 08-11-2002 kèm theo) theo đề nghị của Ủy ban nhân dân xã C, Ủy ban nhân dân huyện K và Sở Tài nguyên & Môi trường. Ngày 15-12-2005, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 64/2005/QĐ-UBND tiếp tục rà soát hiện trạng sử dụng đất đối với các nông, lâm trường quốc doanh trên địa bàn tỉnh. Kết quả, Nông trường đề nghị bàn giao 8.634.140 m² đất sử dụng kém hiệu quả về địa phương quản lý, còn lại xin thuê 23.171.158 m² đất và được Ủy ban nhân dân tỉnh giao Nông trường cao su CK thuê theo Quyết định số 1730/QĐ-UBND năm 2013. Ngày 06-5-2014, Sở Tài nguyên và Môi trường thừa ủy quyền Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 800145 diện tích 23.171.158 m² cho Nông trường cao su CK. Như vậy, Nông trường cao su CK được Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho thuê diện tích đất 23.171.158 m² nằm trên 252 thửa đất thuộc tờ bản đồ số 12 với thời hạn 50 năm đến năm 2043. Ông Tưởng Văn Y cho rằng một phần diện tích tranh chấp khoảng 13.000m² Ủy ban nhân dân tỉnh cấp cho Nông trường cao su CK chồng lên đất của ông, còn Nông trường cao su CK lại cho rằng ông Tưởng Văn Y lấn chiếm đất Nông trường 15.201,9m².

[4] Theo Bản đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 08-11-2002, Nông trường cao su CK được Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho thuê diện tích đất 31.579.731m² và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U191244 (BL 47). Tại Tờ trích lục bản đồ địa chính số 1316 ngày 13-12-2012 do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Đắk Lắk, thể hiện: Diện tích 8.634.140 m² giao địa

phương quan lý nằm hoàn toàn phía Bắc so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 800145 đã cấp cho Nông trường cao su CK ngày 06-5-2014. Trong đó, 04 thửa số 101, 102, 130, 131 có tổng diện tích là 708.199 m². Tuy nhiên, căn cứ vào “*Bản đồ địa chính xã C mảng trích đo chỉnh lý địa chính số 06/2018 Chính lý thửa 101,102,130,131 Tờ 12*” ngày 18-12-2018 do Phòng đăng ký đất đai đo đạc, có xác nhận của các cơ quan, đơn vị là Phòng đo đạc bản đồ & Viễn thám, Ủy ban nhân dân xã C và Sở tài nguyên & Môi trường tỉnh Đắk Lắk thì 04 thửa đất 101, 102, 130, 131 Tờ 12 hiện Nông trường cao su CK đang sử dụng có tổng diện tích 736.613,8m². Như vậy, Nông trường sử dụng diện tích tăng 28.414,8 m² (736.613,8m² - 708.199m²) so với giấy chứng nhận đã được cấp năm 2014-nghĩa là 28.414,8 m² không nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 800145 đã cấp cho Nông trường cao su CK ngày 06-5-2014. Do đó, kháng cáo của ông Tường Văn Y không có cơ sở chấp nhận.

[5] Diện tích tăng là 28.414,8 m² đất nhưng theo ông Tường Văn Y và Nông trường chỉ ranh giới thì diện tích tranh chấp là 15.201,9 m² và ông Tường Văn Y đang quản lý, sử dụng diện tích này; còn lại 13.212,9 m² đất nằm trong các thửa 101, 102, 130, 131 Tờ 12 hiện Nông trường đang quản lý, sử dụng. Như vậy, diện tích đất trên chưa được cấp giấy chứng nhận cho ai. Do đó, cần thiết kiến nghị Ủy ban nhân dân các cấp tỉnh Đắk Lắk làm thủ tục cấp giấy chứng nhận cho các bên đang quản lý, sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Từ phân tích nêu trên, Hội đồng xét thấy không có cơ sở chấp nhận đơn kháng cáo của ông Tường Văn Y. Chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] **Về án phí:** Đơn kháng cáo của ông Tường Văn Y không được chấp nhận nên phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ nêu trên;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Tường Văn Y. Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 41/2019/HC-ST Ngày 14 - 11 - 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. **Xử:**

Áp dụng khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 36 Luật Đất đai năm 1993; khoản 1 Điều 105; Điều 106 Luật đất đai năm 2013 Thông tư số 1990/2001/TCĐC ngày 30/11/2001 của Tổng cục địa chính.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tường Văn Y đề nghị: Huỷ một phần Quyết định số 2741/QĐ-UB ngày 15-10-2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk và Huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 800145 ngày

06-5-2014 đã cấp cho Chi nhánh Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk - Nông trường cao su CK.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân các cấp của tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các bên hiện đang quản lý, sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 1, Điều 349 Luật tố tụng hành chính năm 2015; khoản 2 Điều 30, khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Ông Trương Văn Y phải chịu án phí hành chính phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền đã tạm nộp ứng án phí hành chính phúc thẩm theo biên lai số 0007412 ngày 15-12-2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk. Ông Trương Văn Y đã nộp đủ.

Các Quyết định khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 30 - 6 - 2020./.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN**

Lê Thúy Cầu